

Số: 326/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen cho sinh viên Ngành An toàn Thông tin
Đạt thành tích tốt Trong học tập và rèn luyện
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ 1 năm học 2021 - 2022;
Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho 329 sinh viên Ngành An toàn Thông tin đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2021 - 2021 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2: Sinh viên được nhận giấy khen của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN
CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN TỐT
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 326/QĐ-ĐHCNTT ngày 18 tháng 5 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
1.	18520060	Tạ Việt Hoàng	ATCL2018.1	8.84	100	Giỏi
2.	18520327	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	ATCL2018.1	8.81	100	Giỏi
3.	18520464	Nguyễn Tú Anh	ATCL2018.1	8.3	100	Giỏi
4.	18520478	Tô Thị Mỹ Âu	ATCL2018.1	9.42	100	Xuất sắc
5.	18520560	Lê Kim Danh	ATCL2018.1	9.13	100	Xuất sắc
6.	18520633	Lê Đăng Dũng	ATCL2018.1	8.95	100	Giỏi
7.	18520647	Nguyễn Thái Dương	ATCL2018.1	8.01	96	Giỏi
8.	18520665	Nguyễn Hoàng Duy	ATCL2018.1	8.69	100	Giỏi
9.	18520778	Huỳnh Minh Hoàng	ATCL2018.1	9.39	96	Xuất sắc
10.	18520867	Lê Phạm Trúc Huỳnh	ATCL2018.1	8.58	100	Giỏi
11.	18520910	Bùi Công Nguyên Khoa	ATCL2018.1	8.26	100	Giỏi
12.	18520948	Văn Đoàn Bảo Khôi	ATCL2018.1	8.98	100	Giỏi
13.	18521003	Châu Kim Lộc	ATCL2018.1	8.36	91	Giỏi
14.	18521136	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	ATCL2018.2	8.89	100	Giỏi
15.	18521138	Cao Trọng Nghĩa	ATCL2018.2	8.27	96	Giỏi
16.	18521146	Nguyễn Huỳnh Trọng Nghĩa	ATCL2018.2	8.52	96	Giỏi
17.	18521150	Tô Trọng Nghĩa	ATCL2018.2	9.19	100	Xuất sắc
18.	18521174	Lê Minh Nhân	ATCL2018.2	8.15	91	Giỏi
19.	18521219	Tạ Thúy Nhung	ATCL2018.2	8.45	96	Giỏi
20.	18521234	Trần Công Phát	ATCL2018.2	8.81	100	Giỏi
21.	18521306	Đỗ Anh Quốc	ATCL2018.2	8.28	86	Giỏi
22.	18521395	Nguyễn Hữu Thắng	ATCL2018.2	8.7	100	Giỏi
23.	18521405	Lê Văn Thành	ATCL2018.2	8.31	91	Giỏi
24.	18521496	Cam Chí Tín	ATCL2018.2	9.04	100	Xuất sắc
25.	18521512	Trương Đình Toàn	ATCL2018.2	8.88	100	Giỏi
26.	18521547	Đoàn Minh Trung	ATCL2018.2	9.12	100	Xuất sắc
27.	18521549	Lê Đức Trung	ATCL2018.2	8.71	81	Giỏi
28.	18521647	La Khánh Vĩnh	ATCL2018.2	8.43	86	Giỏi
29.	19520017	Dương Tuấn Bảo	ATCL2019.1	8.78	100	Giỏi
30.	19520262	Phạm Nguyễn Việt Tân	ATCL2019.1	8.75	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
31.	19520398	Bao Gia Bảo	ATCL2019.1	8.19	91	Giỏi
32.	19520430	Tô Đoàn Cao Chương	ATCL2019.1	8.29	91	Giỏi
33.	19520470	Nguyễn Công Đức	ATCL2019.1	8.07	100	Giỏi
34.	19520564	Nguyễn Văn Minh Hoàng	ATCL2019.1	9.12	100	Xuất sắc
35.	19520588	Bùi Quốc Huy	ATCL2019.1	8.54	100	Giỏi
36.	19520604	Trần Nguyễn Đức Huy	ATCL2019.1	8.94	100	Giỏi
37.	19520639	Nguyễn Lê Mạnh Khoa	ATCL2019.1	9.01	100	Xuất sắc
38.	19520958	Phạm Ngọc Thành	ATCL2019.1	8.79	100	Giỏi
39.	19520972	Nguyễn Ngọc Thiện	ATCL2019.1	8.74	100	Giỏi
40.	19521028	Huỳnh Dương Đức Toàn	ATCL2019.1	8.29	81	Giỏi
41.	19521044	Ngô Đức Trí	ATCL2019.1	8.66	100	Giỏi
42.	19521184	Nguyễn Thị Trường An	ATCL2019.1	8.18	100	Giỏi
43.	19521190	Bùi Đức Anh	ATCL2019.1	8.56	100	Giỏi
44.	19521317	Nguyễn Khải Đăng	ATCL2019.1	8.37	100	Giỏi
45.	19521646	Phùng Ngọc Huyền	ATCL2019.2	8.59	100	Giỏi
46.	19521722	Vũ Trung Kiên	ATCL2019.2	8.2	100	Giỏi
47.	19521812	Võ Đức Lực	ATCL2019.2	8.21	100	Giỏi
48.	19521929	Đoàn Thị Thanh Nhân	ATCL2019.2	8.08	100	Giỏi
49.	19521930	Dương Vũ Thành Nhân	ATCL2019.2	8.08	100	Giỏi
50.	19522277	Lê Hà Quang Thịnh	ATCL2019.2	8.29	98	Giỏi
51.	19522361	Nguyễn Chí Toàn	ATCL2019.2	8.33	91	Giỏi
52.	19522528	Trương Đức Vinh	ATCL2019.2	8.08	91	Giỏi
53.	20520132	Lã Trọng Ánh	ATCL2020	8.14	100	Giỏi
54.	20520191	Trương Thị Hoàng Hào	ATCL2020	8.78	100	Giỏi
55.	20520252	Trần Lê Đại Nghĩa	ATCL2020	8.36	81	Giỏi
56.	20520373	Nguyễn Trần Đức An	ATCL2020	8.11	96	Giỏi
57.	20520421	Nguyễn Mạnh Cường	ATCL2020	8.19	100	Giỏi
58.	20520802	Lương Hà Tiên	ATCL2020	9.31	100	Xuất sắc
59.	20520890	Hoàng Văn Anh Đức	ATCL2020	8.34	100	Giỏi
60.	20520956	Nguyễn Đức Trung	ATCL2020	8.74	100	Giỏi
61.	20521146	Nguyễn Đoàn Thiên Cung	ATCL2020	9.24	100	Xuất sắc
62.	20521178	Trần Minh Đạt	ATCL2020	8.01	91	Giỏi
63.	20521179	Trần Quốc Đạt	ATCL2020	8.52	100	Giỏi
64.	20521484	Trần Lê Khôi	ATCL2020	8.37	100	Giỏi
65.	20521560	Phạm Ngọc Lợi	ATCL2020	8.74	100	Giỏi
66.	20521585	Phan Hữu Luân	ATCL2020	8.7	95	Giỏi
67.	20521635	Phan Hoàng Nam	ATCL2020	8.37	100	Giỏi
68.	20521649	Vương Đình Thanh Ngân	ATCL2020	8.72	100	Giỏi
69.	20521677	Nguyễn Trọng Nguyên	ATCL2020	9.09	91	Xuất sắc
70.	20521690	Lê Minh Nhã	ATCL2020	8.5	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
71.	20521717	Phan Ngọc Yến Nhi	ATCL2020	8.58	100	Giỏi
72.	20521830	Trần Hoài Rin	ATCL2020	8.34	100	Giỏi
73.	20521831	Trương Văn Rõng	ATCL2020	9.12	100	Xuất sắc
74.	20521841	Ngô Trần Thái Sơn	ATCL2020	8.41	100	Giỏi
75.	20521859	Nguyễn Tấn Tài	ATCL2020	9.05	86	Giỏi
76.	20521862	Trần Tấn Tài	ATCL2020	8.43	100	Giỏi
77.	20521893	Đỗ Quang Thắng	ATCL2020	8.38	100	Giỏi
78.	20521963	Nguyễn Hùng Thịnh	ATCL2020	8.47	100	Giỏi
79.	20521978	Bạch Văn Xuân Thông	ATCL2020	8.84	100	Giỏi
80.	20522008	Lương Mạnh Tiến	ATCL2020	8.27	100	Giỏi
81.	20522016	Phạm Bá Tín	ATCL2020	8.35	100	Giỏi
82.	20522026	Nguyễn Đức Toàn	ATCL2020	8.11	91	Giỏi
83.	20522049	Hồ Minh Trí	ATCL2020	8.06	100	Giỏi
84.	20522062	Nguyễn Bảo Trọng	ATCL2020	8.12	100	Giỏi
85.	20522118	Nguyễn Hoàng Tuấn	ATCL2020	8.82	100	Giỏi
86.	20522177	Hà Triệu Yến Vy	ATCL2020	9.38	100	Xuất sắc
87.	21520156	Phạm Thái Bảo	ATCL2021	8.79	100	Giỏi
88.	21520256	Đặng Quang Huy	ATCL2021	8.05	100	Giỏi
89.	21520266	Trần Đức Huy	ATCL2021	8.66	100	Giỏi
90.	21520269	Trần Thị Mỹ Huyền	ATCL2021	9.23	100	Xuất sắc
91.	21520310	Trần Minh Kiên	ATCL2021	8.37	98	Giỏi
92.	21520337	Đỗ Thị Yến Ly	ATCL2021	9.38	100	Xuất sắc
93.	21520353	Nguyễn Ngọc Trà My	ATCL2021	9	97	Xuất sắc
94.	21520481	Trương Vĩnh Tiến	ATCL2021	8.49	100	Giỏi
95.	21520514	Nguyễn Văn Anh Tú	ATCL2021	8.03	100	Giỏi
96.	21520546	Nguyễn Nguyễn Duy An	ATCL2021	8.06	100	Giỏi
97.	21520679	Đoàn Hải Đăng	ATCL2021	8.96	100	Giỏi
98.	21520682	Lâm Hải Đăng	ATCL2021	8.61	100	Giỏi
99.	21520726	Cao Minh Đức	ATCL2021	8.03	88	Giỏi
100.	21520772	Nguyễn Đại Bảo Duy	ATCL2021	8.74	100	Giỏi
101.	21521034	Ngô Tuấn Kiệt	ATCL2021	8.85	100	Giỏi
102.	21521179	Dương Phan Hiếu Nghĩa	ATCL2021	8.41	100	Giỏi
103.	21521250	Phan Thị Hồng Nhung	ATCL2021	8.7	100	Giỏi
104.	21521253	Lê Hoàng Oanh	ATCL2021	8.71	98	Giỏi
105.	21521450	Trần Công Thành	ATCL2021	8.49	100	Giỏi
106.	21521817	Bùi Hoàng Trúc Anh	ATCL2021	8.8	100	Giỏi
107.	21521848	Hoàng Gia Bảo	ATCL2021	8.14	93	Giỏi
108.	21521907	Phan Bá Cường	ATCL2021	8.42	95	Giỏi
109.	21521962	Lê Phú Đức	ATCL2021	8.9	100	Giỏi
110.	21521964	Nguyễn Trần Anh Đức	ATCL2021	8.52	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
111.	21521987	Đoàn Thị Ánh Dương	ATCL2021	8.68	100	Giỏi
112.	21521989	Lê Triều Dương	ATCL2021	8.31	99	Giỏi
113.	21522011	Trần Phúc Hoàng Duy	ATCL2021	8.71	100	Giỏi
114.	21522036	Trần Tấn Hải	ATCL2021	8.71	100	Giỏi
115.	21522074	Lý Gia Hiếu	ATCL2021	9.07	97	Xuất sắc
116.	21522090	Lê Xuân Hoàng	ATCL2021	9.14	100	Xuất sắc
117.	21522138	Đỗ Gia Huy	ATCL2021	9.22	100	Xuất sắc
118.	21522167	Trần Đình Huy	ATCL2021	8.02	98	Giỏi
119.	21522238	Trịnh Hoàng Duy Khôi	ATCL2021	8.34	89	Giỏi
120.	21522292	Nguyễn Hoàng Lộc	ATCL2021	8.09	100	Giỏi
121.	21522296	Trần Thành Lợi	ATCL2021	8.1	100	Giỏi
122.	21522303	Nguyễn Đình Bảo Long	ATCL2021	8.96	95	Giỏi
123.	21522312	Phùng Đức Lương	ATCL2021	8.6	91	Giỏi
124.	21522363	Nguyễn Hoàng Nam	ATCL2021	8.63	93	Giỏi
125.	21522375	Lương Hồ Trọng Nghĩa	ATCL2021	8.96	95	Giỏi
126.	21522388	Huỳnh Anh Nguyễn	ATCL2021	8.48	100	Giỏi
127.	21522389	Lý Thế Nguyên	ATCL2021	8.44	100	Giỏi
128.	21522393	Nguyễn Trần Trung Nguyên	ATCL2021	9	100	Xuất sắc
129.	21522447	Nguyễn Tấn Phát	ATCL2021	8.12	100	Giỏi
130.	21522469	Bùi Nguyên Phúc	ATCL2021	8.08	96	Giỏi
131.	21522603	Phạm Đô Thành	ATCL2021	8.66	100	Giỏi
132.	21522620	Hồ Ngọc Thiện	ATCL2021	8.54	95	Giỏi
133.	21522623	Ngô Minh Thiên	ATCL2021	8.79	100	Giỏi
134.	21522632	Đào Vĩnh Thịnh	ATCL2021	8.06	91	Giỏi
135.	21522694	Lê Thị Huyền Trang	ATCL2021	9.21	100	Xuất sắc
136.	21522785	Lê Triệu Vi	ATCL2021	8.25	98	Giỏi
137.	18520020	Trần Anh Đức	ATTN2018	8.14	81	Giỏi
138.	18520042	Nguyễn Xuân Hà	ATTN2018	9.15	100	Xuất sắc
139.	18520047	Lê Anh Hào	ATTN2018	8.82	100	Giỏi
140.	18520051	Nguyễn Minh Hiền	ATTN2018	8.66	100	Giỏi
141.	18520071	Nguyễn Xuân Khang	ATTN2018	8.75	100	Giỏi
142.	18520175	Huỳnh Minh Trí	ATTN2018	8.9	100	Giỏi
143.	18520263	Trần Trọng Đạt	ATTN2018	8.79	100	Giỏi
144.	18520377	Nguyễn Thành Tiến	ATTN2018	8.15	96	Giỏi
145.	18520408	Hồ Huy Thái	ATTN2018	8.65	96	Giỏi
146.	18520545	Nguyễn Phước Cường	ATTN2018	8.38	100	Giỏi
147.	18520609	Trần Ngọc Duân	ATTN2018	8.65	100	Giỏi
148.	18520697	Huỳnh Hoàng Hải	ATTN2018	8.99	100	Giỏi
149.	18520744	Nguyễn Đức Hiếu	ATTN2018	8.65	100	Giỏi
150.	18520851	Nguyễn Thanh Huy	ATTN2018	8.07	96	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
151.	18520976	Nguyễn Duy Lâm	ATTN2018	8.86	100	Giỏi
152.	18521037	Nguyễn Hoàng Long	ATTN2018	8.75	100	Giỏi
153.	18521096	Hồ Đắc Thanh Minh	ATTN2018	8.42	100	Giỏi
154.	18521267	Đoàn Thanh Phương	ATTN2018	9.31	100	Xuất sắc
155.	18521371	Phạm Ngọc Tâm	ATTN2018	9.23	100	Xuất sắc
156.	18521379	Bùi Xuân Thái	ATTN2018	8.27	100	Giỏi
157.	18521529	Nguyễn Ngọc Minh Trí	ATTN2018	8.22	100	Giỏi
158.	18521550	Lê Hoàng Trung	ATTN2018	9.14	100	Xuất sắc
159.	18521553	Nguyễn Quốc Trung	ATTN2018	8.43	100	Giỏi
160.	18521576	Nguyễn Thanh Gia Truyền	ATTN2018	8.85	100	Giỏi
161.	18521641	Nguyễn Quốc Việt	ATTN2018	8.88	86	Giỏi
162.	19520199	Lê Tôn Nhân	ATTN2019	8.57	100	Giỏi
163.	19520220	Hồ Thị Ngọc Phúc	ATTN2019	8.66	100	Giỏi
164.	19520241	Nguyễn Mỹ Quỳnh	ATTN2019	8.24	100	Giỏi
165.	19520250	Nguyễn Văn Tài	ATTN2019	8.62	100	Giỏi
166.	19520333	Lê Kim Tuấn	ATTN2019	8.09	100	Giỏi
167.	19520429	Nguyễn Phúc Chương	ATTN2019	8.63	100	Giỏi
168.	19520500	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	ATTN2019	8.18	100	Giỏi
169.	19520982	Nguyễn Đạt Thịnh	ATTN2019	8.98	100	Giỏi
170.	19521265	Nguyễn Đoàn Xuân Bình	ATTN2019	8.19	100	Giỏi
171.	19521288	Hoàng Văn Chúc	ATTN2019	8.28	100	Giỏi
172.	19521429	Nguyễn Phạm Lâm Duy	ATTN2019	8.19	96	Giỏi
173.	19521671	Trần Hoàng Khang	ATTN2019	8.23	100	Giỏi
174.	19521815	Trần Đức Lương	ATTN2019	8.9	100	Giỏi
175.	19521884	Lâm Thanh Ngân	ATTN2019	8.14	100	Giỏi
176.	19521978	Hồ Xuân Ninh	ATTN2019	8.9	100	Giỏi
177.	19522013	Trần Quốc Phong	ATTN2019	8.02	100	Giỏi
178.	19522137	Ngô Đức Hoàng Sơn	ATTN2019	8.46	100	Giỏi
179.	19522256	Huỳnh Thái Thi	ATTN2019	8.75	100	Giỏi
180.	19522263	Nguyễn Ngọc Thiện	ATTN2019	8.71	100	Giỏi
181.	19522346	Vương Minh Tiến	ATTN2019	8.82	100	Giỏi
182.	19522440	Nguyễn Ngọc Trường	ATTN2019	8.58	100	Giỏi
183.	19522463	Châu Thanh Tuấn	ATTN2019	8.04	100	Giỏi
184.	20520173	Bùi Tấn Hải Đăng	ATTN2020	9.09	100	Xuất sắc
185.	20520248	Võ Quang Minh	ATTN2020	9.06	100	Xuất sắc
186.	20520377	Trần Bảo Ân	ATTN2020	9.08	100	Xuất sắc
187.	20520592	Đỗ Minh Khôi	ATTN2020	8.6	100	Giỏi
188.	20520648	Nguyễn Bùi Kim Ngân	ATTN2020	8.88	100	Giỏi
189.	20520815	Nguyễn Bình Thục Trâm	ATTN2020	8.13	100	Giỏi
190.	20520847	Phan Hoàng Tuấn	ATTN2020	8.07	100	Giỏi



TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
191.	20520921	Nguyễn Hữu Minh Sang	ATTN2020	8.08	100	Giỏi
192.	20521168	Lê Thành Đạt	ATTN2020	8.85	100	Giỏi
193.	20521237	Nguyễn Đình Duy	ATTN2020	8.05	100	Giỏi
194.	20521261	Nguyễn Tấn Giang	ATTN2020	9.18	100	Xuất sắc
195.	20521317	Hoàng Đình Hiếu	ATTN2020	8.86	100	Giỏi
196.	20521474	Trần Đăng Khoa	ATTN2020	8.78	100	Giỏi
197.	20521604	Lưu Nguyễn Công Minh	ATTN2020	8.75	100	Giỏi
198.	20521683	Tô Đình Nguyên	ATTN2020	8.84	100	Giỏi
199.	20521763	Lê Hoàng Phúc	ATTN2020	8.97	100	Giỏi
200.	20521810	Phạm Trần Thanh Quang	ATTN2020	8.02	100	Giỏi
201.	20521974	Nguyễn Văn Thọ	ATTN2020	9.09	100	Xuất sắc
202.	21520001	Trần Hoài An	ATTN2021	8.94	86	Giỏi
203.	21520011	Võ Nguyên Chương	ATTN2021	9.62	100	Xuất sắc
204.	21520042	Nguyễn Duy Huy	ATTN2021	8.85	100	Giỏi
205.	21520083	Đinh Thành Phát	ATTN2021	8.04	100	Giỏi
206.	21520087	Lê Mậu Anh Phong	ATTN2021	9.64	100	Xuất sắc
207.	21520128	Phan Huy Vũ	ATTN2021	9.39	100	Xuất sắc
208.	21520164	Trịnh Hoài Chi	ATTN2021	8.64	100	Giỏi
209.	21520211	Nguyễn Vũ Anh Duy	ATTN2021	9.34	97	Xuất sắc
210.	21520377	Liêu Minh Nhật	ATTN2021	9.56	100	Xuất sắc
211.	21520402	Phan Phạm Trọng Phúc	ATTN2021	8.7	100	Giỏi
212.	21520586	Phạm Nguyễn Hải Anh	ATTN2021	8.61	100	Giỏi
213.	21520757	Nguyễn Hữu Dương	ATTN2021	8.69	100	Giỏi
214.	21520916	Lưu Gia Huy	ATTN2021	9.34	100	Xuất sắc
215.	21520937	Trần Nguyên Huy	ATTN2021	8.63	100	Giỏi
216.	21521083	Lê Thị Bích Loan	ATTN2021	8.03	100	Giỏi
217.	21521185	Trần Gia Nghĩa	ATTN2021	9.38	100	Xuất sắc
218.	21521248	Nguyễn Ngọc Nhung	ATTN2021	8.9	100	Giỏi
219.	21521398	Nguyễn Thanh Tài	ATTN2021	8.59	100	Giỏi
220.	21521473	Phạm Hoàng Phúc Thịnh	ATTN2021	8.78	100	Giỏi
221.	21521609	Lê Quý Tứ	ATTN2021	9.28	100	Xuất sắc
222.	21522114	Lê Minh Hùng	ATTN2021	8.57	94	Giỏi
223.	21522543	Ngô Thanh Sang	ATTN2021	8.7	100	Giỏi
224.	21522618	Đinh Minh Thiện	ATTN2021	9.19	100	Xuất sắc
225.	21522641	Phạm Ngọc Thơ	ATTN2021	8.68	100	Giỏi
226.	21522655	Nguyễn Minh Thường	ATTN2021	9.57	100	Xuất sắc
227.	21522809	Nguyễn Đức Vương	ATTN2021	8.4	100	Giỏi
228.	18520065	Đoàn Nguyễn Quốc Huy	ATTT2018	9.15	100	Xuất sắc
229.	18520084	Nguyễn Trúc Thanh Lan	ATTT2018	8.89	100	Giỏi
230.	18520113	Trần Như Ngọc	ATTT2018	8.77	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
231.	18520114	Phạm Khôi Nguyên	ATTT2018	8.22	91	Giỏi
232.	18520142	Nguyễn Phan Nhã Quỳnh	ATTT2018	8.86	91	Giỏi
233.	18520165	Nguyễn Công Tiến	ATTT2018	9.11	100	Xuất sắc
234.	18520191	Nguyễn Trần Hùng Vĩ	ATTT2018	8.44	100	Giỏi
235.	18520261	Nguyễn Cục Vi Đa	ATTT2018	8.07	100	Giỏi
236.	18520326	Thái Hoàng Nhân	ATTT2018	9.13	100	Xuất sắc
237.	18520333	Nguyễn Đức Phú	ATTT2018	9.13	100	Xuất sắc
238.	18520363	Lê Khắc Nguyên Thiên	ATTT2018	8.41	100	Giỏi
239.	18520401	Trần Anh Vũ	ATTT2018	8.75	100	Giỏi
240.	18520450	Lê Tuấn Anh	ATTT2018	8.62	91	Giỏi
241.	18520457	Nguyễn Khắc Tuấn Anh	ATTT2018	8.22	81	Giỏi
242.	18520509	Nguyễn Thị Như Bình	ATTT2018	8.95	100	Giỏi
243.	18520532	Trần Trọng Chiến	ATTT2018	8.86	94	Giỏi
244.	18520551	Đoàn Văn Đắc	ATTT2018	8.29	96	Giỏi
245.	18520780	Lê Văn Hoàng	ATTT2018	8.29	100	Giỏi
246.	18520829	Huỳnh Gia Huy	ATTT2018	8.98	91	Giỏi
247.	18520846	Nguyễn Quang Huy	ATTT2018	8.54	100	Giỏi
248.	18521156	Đào Trung Nguyên	ATTT2018	9.16	100	Xuất sắc
249.	18521236	Dương Hoài Phong	ATTT2018	8.49	100	Giỏi
250.	18521332	Đặng Xuân Sang	ATTT2018	8.26	86	Giỏi
251.	18521336	Trương Tấn Sang	ATTT2018	8.54	86	Giỏi
252.	18521621	Lê Tuyền	ATTT2018	8.08	86	Giỏi
253.	19520025	Đỗ Đông Chiến	ATTT2019	8.6	100	Giỏi
254.	19520053	Đoàn Anh Dũng	ATTT2019	8.96	100	Giỏi
255.	19520067	Nguyễn Bảo Hà	ATTT2019	8.5	100	Giỏi
256.	19520082	Nguyễn Trung Hiếu	ATTT2019	8.04	84	Giỏi
257.	19520147	Nguyễn Thùy Linh	ATTT2019	8.51	100	Giỏi
258.	19520183	Ngô Thảo Nguyên	ATTT2019	8.92	100	Giỏi
259.	19520223	Lê Minh Phúc	ATTT2019	8.22	91	Giỏi
260.	19520240	Văn Đình Quốc	ATTT2019	8.66	100	Giỏi
261.	19520321	Phan Thành Trung	ATTT2019	8.54	100	Giỏi
262.	19520499	Lê Thị Hương Giang	ATTT2019	8.33	100	Giỏi
263.	19520506	Nguyễn Thị Hải Hà	ATTT2019	8.68	100	Giỏi
264.	19520611	Nguyễn Lê Hy	ATTT2019	8.15	100	Giỏi
265.	19520799	Lê Trần Thành Nhân	ATTT2019	8.16	100	Giỏi
266.	19520827	Châu Thuận Phát	ATTT2019	8	100	Giỏi
267.	19521336	Nguyễn Lê Quốc Đạt	ATTT2019	9.02	100	Xuất sắc
268.	19521378	Nguyễn Minh Đức	ATTT2019	8.49	100	Giỏi
269.	19521439	Lê Thị Mỹ Duyên	ATTT2019	9	100	Xuất sắc
270.	19521555	Nguyễn Ngọc Hợp	ATTT2019	8.75	100	Giỏi

7



TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
271.	19521608	Hoàng Quang Huy	ATTT2019	8.72	91	Giỏi
272.	19521771	Nguyễn Thành Lợi	ATTT2019	8.72	91	Giỏi
273.	19521806	Đoàn Ngọc Luân	ATTT2019	8.79	100	Giỏi
274.	19521839	Lý Thái Minh	ATTT2019	8	100	Giỏi
275.	19522307	Nguyễn Thị Thu	ATTT2019	8.94	100	Giỏi
276.	19522445	Trần Bùi Nhật Trường	ATTT2019	9.16	100	Xuất sắc
277.	20520162	Phạm Phúc Đức	ATTT2020	8.36	100	Giỏi
278.	20520163	Vũ Minh Đức	ATTT2020	8.29	100	Giỏi
279.	20520323	Lê Trần Thùy Trang	ATTT2020	9.29	100	Xuất sắc
280.	20520454	Trần Trí Đức	ATTT2020	8.26	100	Giỏi
281.	20520751	Nguyễn Đức Tấn	ATTT2020	8.73	100	Giỏi
282.	20520919	Phạm Thế Quý	ATTT2020	8.06	100	Giỏi
283.	20521047	Lâm Thiệu Ân	ATTT2020	8.06	100	Giỏi
284.	20521096	Đỗ Phùng Gia Bảo	ATTT2020	8.57	100	Giỏi
285.	20521134	Nguyễn Thị Thùy Chinh	ATTT2020	8.53	100	Giỏi
286.	20521169	Lê Thành Đạt	ATTT2020	8.62	95	Giỏi
287.	20521251	Văn Đức Duy	ATTT2020	8.32	95	Giỏi
288.	20521281	Nguyễn Phúc Hải	ATTT2020	8.03	100	Giỏi
289.	20521291	Huỳnh Thế Hào	ATTT2020	8.87	100	Giỏi
290.	20521296	Trương Trí Hào	ATTT2020	8.28	100	Giỏi
291.	20521320	Lê Vĩnh Hiếu	ATTT2020	8.32	100	Giỏi
292.	20521340	Lê Nhật Hoàng	ATTT2020	8.33	86	Giỏi
293.	20521430	Lê Minh Khan	ATTT2020	8.42	100	Giỏi
294.	20521458	Võ Hoàng Khanh	ATTT2020	8.48	100	Giỏi
295.	20521629	La Hoài Nam	ATTT2020	8.37	100	Giỏi
296.	20521964	Nguyễn Quốc Thịnh	ATTT2020	9.28	100	Xuất sắc
297.	20521988	Trần Thị Minh Thư	ATTT2020	8.9	100	Giỏi
298.	20522019	Võ Thành Tín	ATTT2020	8.02	100	Giỏi
299.	20522082	Huỳnh Minh Trường	ATTT2020	8.28	100	Giỏi
300.	21520090	Đinh Bùi Huy Phương	ATTT2021	8.79	100	Giỏi
301.	21520155	Nguyễn Triệu Thiên Bảo	ATTT2021	8.79	100	Giỏi
302.	21520406	Đinh Bạch Kiều Phương	ATTT2021	8.4	100	Giỏi
303.	21520408	Nguyễn Hoài Phương	ATTT2021	9	100	Xuất sắc
304.	21520435	Nguyễn Thế Sơn	ATTT2021	8.68	100	Giỏi
305.	21520667	Nguyễn Huy Cường	ATTT2021	8.52	100	Giỏi
306.	21520747	Nguyễn Việt Dũng	ATTT2021	8.77	100	Giỏi
307.	21520755	Ngô Khánh Dương	ATTT2021	8.3	100	Giỏi
308.	21520836	Phạm Phúc Hậu	ATTT2021	8.18	95	Giỏi
309.	21520840	Lê Quang Hiến	ATTT2021	8.8	100	Giỏi
310.	21520911	Bùi Quốc Huy	ATTT2021	8.63	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB HK	ĐRL	Xếp loại
311.	21520942	Võ Quốc Huy	ATTT2021	8.68	98	Giỏi
312.	21521097	Nguyễn Văn Long	ATTT2021	8.09	100	Giỏi
313.	21521149	Lê Đoàn Trà My	ATTT2021	8.83	100	Giỏi
314.	21521195	Trần Lê Minh Ngọc	ATTT2021	8.2	100	Giỏi
315.	21521242	Lưu Thị Huỳnh Như	ATTT2021	8.69	100	Giỏi
316.	21521345	Nguyễn Mai Nhật Quang	ATTT2021	8.21	89	Giỏi
317.	21521395	Nguyễn Đức Tài	ATTT2021	8.97	100	Giỏi
318.	21521955	Nguyễn Đạo Ga Đô	ATTT2021	8.22	100	Giỏi
319.	21522010	Trần Minh Duy	ATTT2021	9.29	100	Xuất sắc
320.	21522065	Đào Võ Hữu Hiệp	ATTT2021	8.03	100	Giỏi
321.	21522094	Nguyễn Huy Hoàng	ATTT2021	8.21	100	Giỏi
322.	21522213	Phan Gia Khánh	ATTT2021	9.38	100	Xuất sắc
323.	21522265	Trần Quang Kiệt	ATTT2021	8.31	94	Giỏi
324.	21522317	Võ Thị Bích Ly	ATTT2021	8.45	95	Giỏi
325.	21522424	Huỳnh Nguyễn Uyên Nhi	ATTT2021	8.64	100	Giỏi
326.	21522434	Võ Thị Quỳnh Như	ATTT2021	8.12	100	Giỏi
327.	21522591	Nguyễn Quang Thắng	ATTT2021	8.74	94	Giỏi
328.	21522627	Phạm Ngọc Thiện	ATTT2021	8.99	100	Giỏi
329.	21522756	Nguyễn Thanh Tuấn	ATTT2021	8.3	100	Giỏi

Danh sách gồm 329 sinh viên.

N